

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH LỘC VÙNG ĐỎ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Thảo

Mã SV: 1412401100

Lớp : QT1902K

Ngành : Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài chính doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1. Lý luận chung về kế toán doanh thu và thu nhập khác	3
1.1.1. Khái quát về doanh thu	3
1.1.2. Nguyên tắc kế toán doanh thu	3
1.1.3. Nội dung kế toán doanh thu	4
1.2. Lý luận chung về kế toán chi phí trong doanh nghiệp	13
1.2.1. Khái niệm về chi phí	13
1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí	13
1.2.3. Kế toán các loại chi phí	14
1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh	22
1.3.1. Khái niệm	22
1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:	22
1.3.3. Chứng từ sử dụng	22
1.3.4. Tài khoản sử dụng:	22
1.3.5. Phương pháp hạch toán	22
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	23
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái	25
1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ	26
1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LỘC VÙNG ĐỎ	28
2.1 Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	28

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh	29
2.1.3 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	29
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ.....	31
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ.....	33
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ	33
2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ.....	49
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ..	64
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LỘC VÙNG ĐỎ..	74
3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ	74
3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ.....	74
3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ	75
3.2.Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	76
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ.....	76
3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ.....	77
3.4.2 Về mở sổ chi tiết bán hàng.....	78
3.4.3 Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh.....	81
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp	81
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	81
KẾT LUẬN	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	8
Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 1.4: Kế toán thu nhập khác	12
Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán	16
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác	21
Sơ đồ 1.9: Kế toán kết quả kinh doanh	23
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức Nhật ký sổ cái	25
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức Chứng từ ghi sổ	26
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính	27
Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán	31
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán Nhật ký chung	32
Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đò	34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 000922	35
Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT	37
Biểu số 2.3: Phiếu thu	38
Bảng 2.4 Sổ nhật ký chung	39
Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511	40
Biểu số 2.6: Giấy báo có	42
Biểu số 2.7: Trích sổ nhật ký chung.....	43
Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 515	44
Biểu 2.9: Giấy báo có.....	46
Biểu 2.10 Sổ nhật ký chung	47
Biểu 2.11: Sổ cái TK 711	48
Biểu số 2.12 : Sổ CPSXKD.....	51
Biểu số 2.13: Phiếu kế toán.....	52
Biểu số 2.14:Trích sổ Nhật ký chung.....	53
Biểu số 2.15 : (Trích sổ cái năm 2019).....	54
Biểu số 2.16: HĐGTGT	56
Biểu số 2.17: Phiếu chi.....	57
Biểu số 2.18: HĐ GTGT 0000201	59
Biểu số 2.19: Phiếu chi.....	59
Biểu số 2.20:Trích sổ Nhật ký chung.....	61
Biểu số 2.21:.....	62
Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 20.....	65
Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 21	66
Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 22.....	67
Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 23.....	68
Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 24.....	69
Biểu 2.27 Sổ nhật ký chung	70
Biểu 2.28: Sổ cái TK 911	71

Biểu 2.29: Sổ cái TK 421	72
Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	73
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	79
Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	80

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày nay, các Công ty phải cạnh tranh vô cùng gay gắt. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của mình các Công ty phải tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các chi phí, doanh thu và tính toán các kết quả trong hoạt động kinh doanh trong Công ty.

Sau thời gian thực tập ở Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ em thấy công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nó kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh đồng thời ảnh hưởng đến tình hình hiện thực tài chính của Công ty, giúp Công ty có cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình kinh doanh của mình.

Xuất phát từ thực tiễn đó nên trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ em đã quyết định đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài ;” **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ** ” làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ

3. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ

4. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê so sánh

5. Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vòng Đỏ

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vòng Đỏ

Vì thời gian thực tập tại Công ty chưa nhiều, kiến thức thực tế còn hạn chế, em hy vọng những ý kiến trong bài sẽ đóng góp một phần nhỏ để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vòng Đỏ

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Lý luận chung về kế toán doanh thu và thu nhập khác****1.1.1. Khái quát về doanh thu**

- Khái niệm:

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế Công ty thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những Công ty nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với Công ty thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.1.3. Nội dung kế toán doanh thu

1.1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

* Khái niệm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu ngoài giá bán (nếu có)

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

*Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118- Doanh thu khác.

*Chứng từ sử dụng

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán như sau:

- Hóa đơn bán hàng , Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng).

Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, ...

*Phương pháp hạch toán

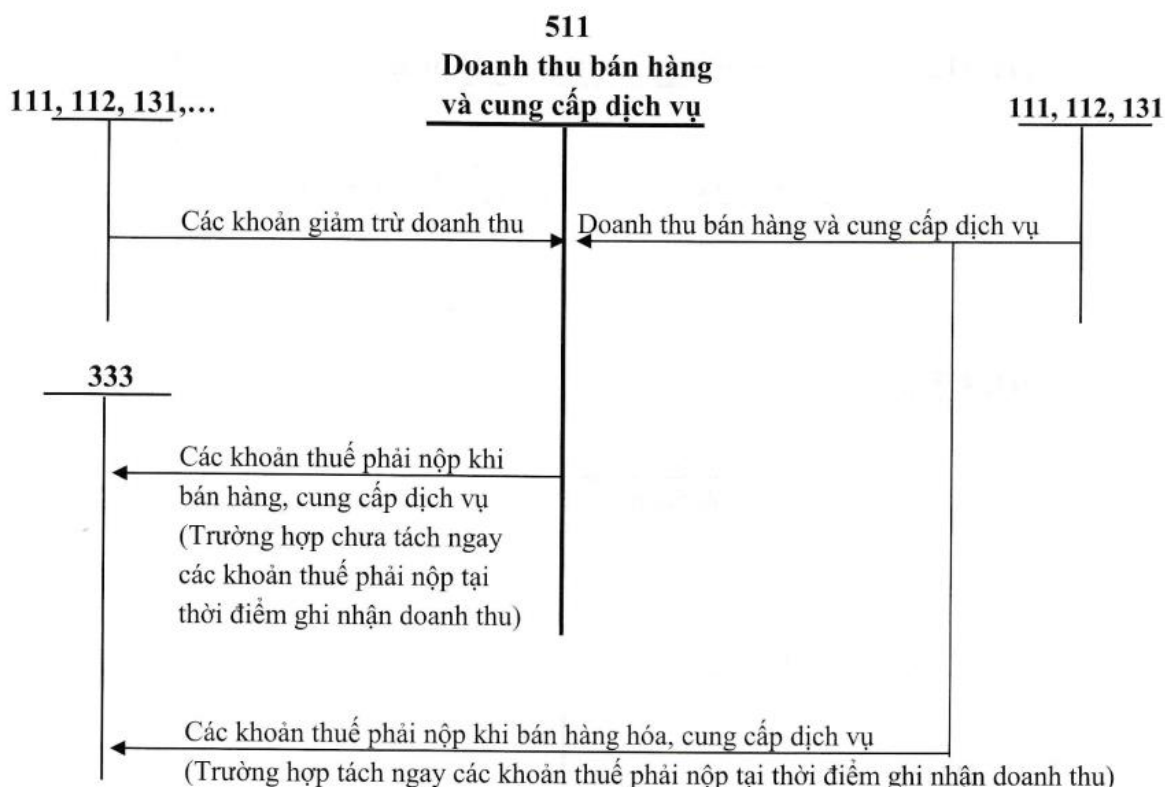
Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các
+ **Kết cấu TK 511**

Nợ	TK511	Có
Các khoản thuế gián thu phải nộp(GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911” Xác định kết quả kinh doanh”		Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.3.2. Doanh thu hoạt động tài chính

*Khái niệm:

- Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận chia từ hoạt động liên quan, liên kết, lãi chuyển nhượng vốn, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và các khoản khác.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty.

Kết cấu TK 515:

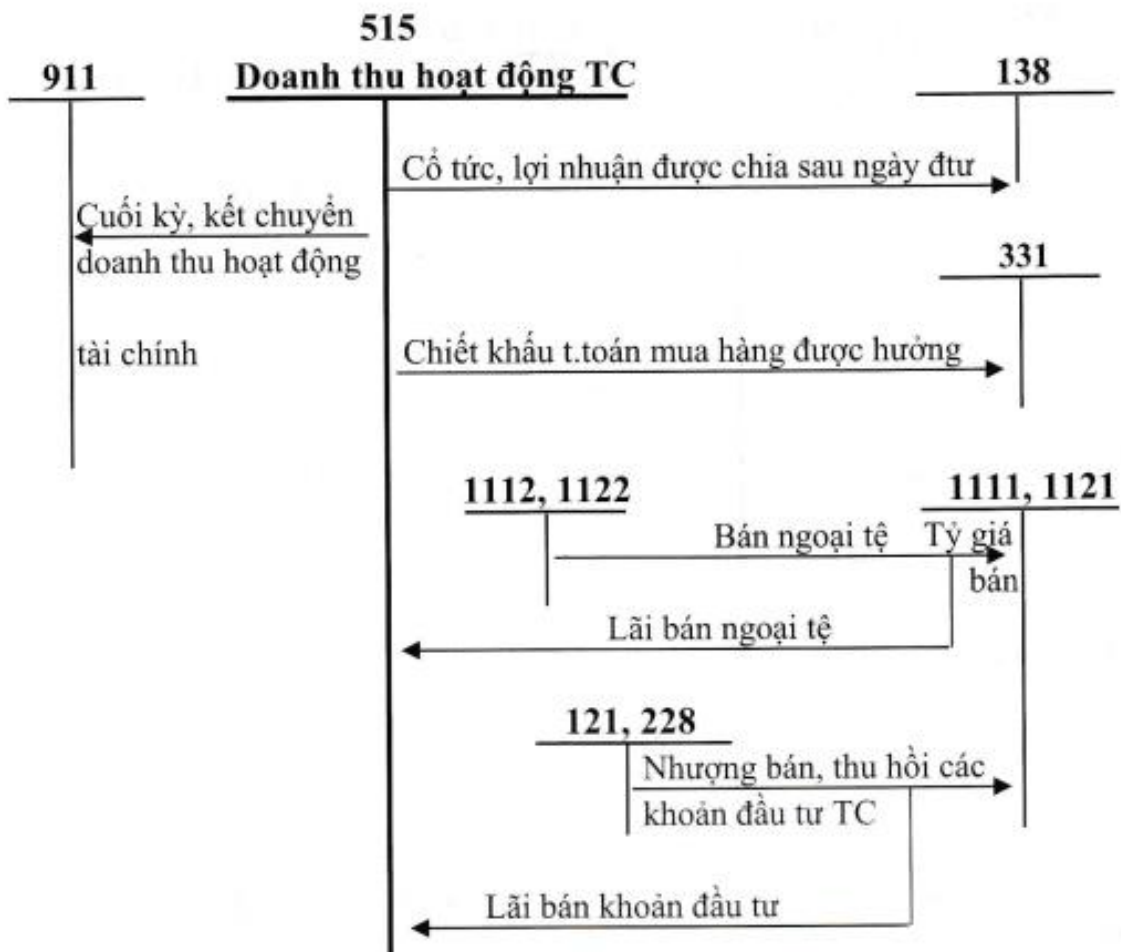
Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kì.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.		
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi, giấy báo có của Ngân hàng
- Bản sao kê của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác

KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

*Khái niệm:

- Các khoản giảm trừ doanh thu như: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và kết quả kinh doanh trong kỳ tể toán.

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm hàng hóa Công ty đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện

đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

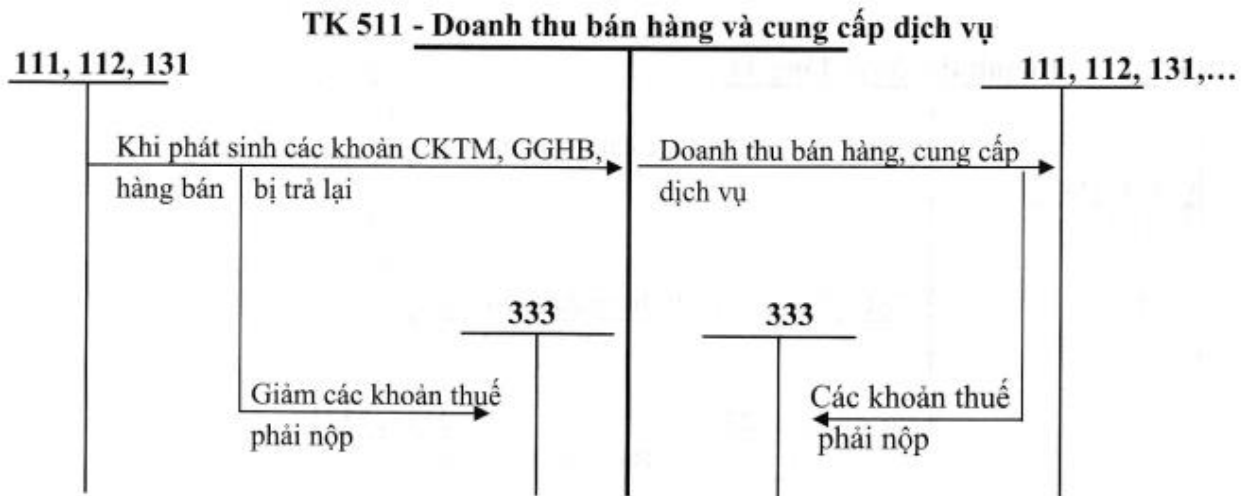
- Giảm giá hàng bán là khoản tiền Công ty (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

-Thuế GTGT phải nộp (Theo phương pháp trực tiếp): Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

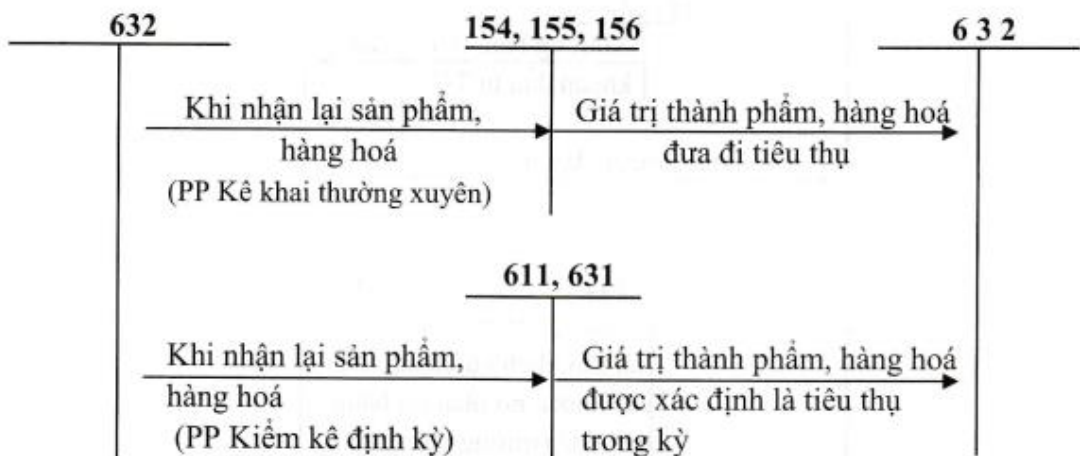
- Thuế TTĐB: là khoản thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

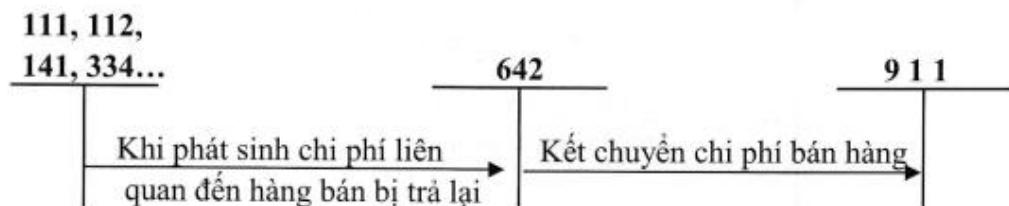
KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU



Kế toán nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.3: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.3.4. Thu nhập khác

*Khái niệm:

Thu nhập khác là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

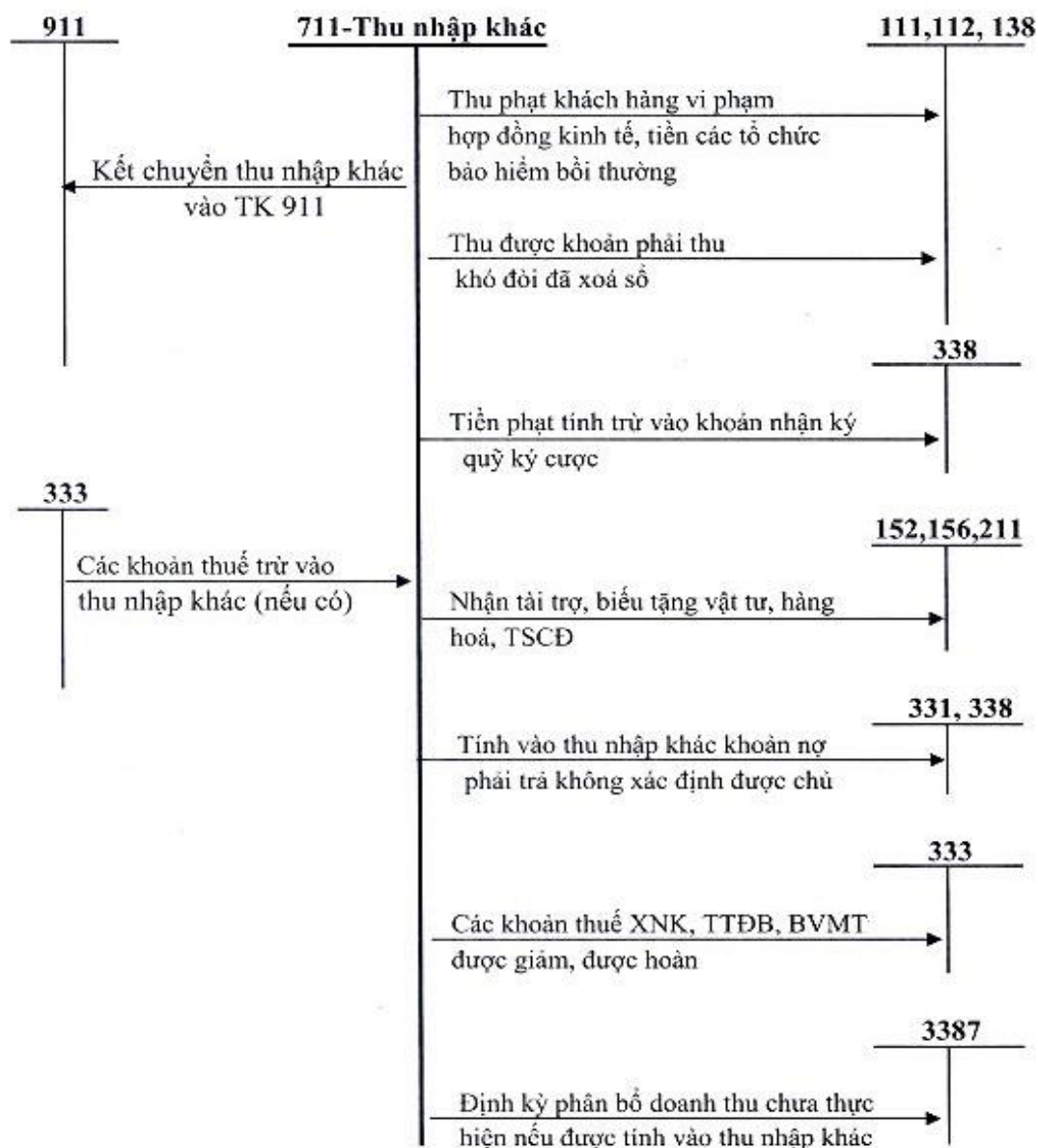
Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác

+ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 - Thu nhập khác.

KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC



Sơ đồ 1.4: Kế toán thu nhập khác

- + Chứng từ sử dụng
- Phiếu thu
 - Giấy báo Có của ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 - Các chứng từ khác có liên quan...

1.2. Lý luận chung về kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm về chi phí

Chi phí là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch, ... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chi phí trong doanh nghiệp thương mại bao gồm:

+ Giá vốn bán hàng: Tài khoản 632.

+ Chi phí hoạt động tài chính: Tài khoản 635.

+ Chi phí quản lý kinh doanh: Tài khoản 642.

+ Chi phí hoạt động khác: Tài khoản 811.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp : Tài khoản 821.

- Giá vốn bán hàng là giá trị hàng xuất kho. Giá vốn phụ thuộc vào phương pháp tính giá trị xuất kho của doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Chi phí quản lý kinh doanh là các khoản chi phí phục vụ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

+ Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

1.2.2. Một số quy định khi hạch toán chi phí

+ Mỗi doanh nghiệp, chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp hạch toán hàng tồn kho, hoặc phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ và được áp dụng nhất quán ít nhất trong một niên độ kế toán.

+ Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: Cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị giá vật

tu, hàng xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá trị vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

1.2.3. Kế toán các loại chi phí

1.2.3.1. Chi phí giá vốn hàng bán

*Khái niệm:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn của hàng hóa xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

*Tài khoản sử dụng:

-Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Một số quy định khi hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

-Chi hạch toán giá vốn hàng bán khi các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ.

-Các khoản chi phí phát sinh như khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá định mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành thì được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán.

- Theo chế độ kế toán hiện hành - Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC, ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \frac{\text{Lượng hàng xuất kho}}{\text{xuất kho}} \times \text{Giá vốn đơn vị}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá vốn bình quân gia quyền được tính

+ Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá vốn} \\ \text{hàng xuất kho} \\ \text{BQGQCK} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lượng hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

+ Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia} \\ \text{quyền sau lần nhập } i \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** Kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

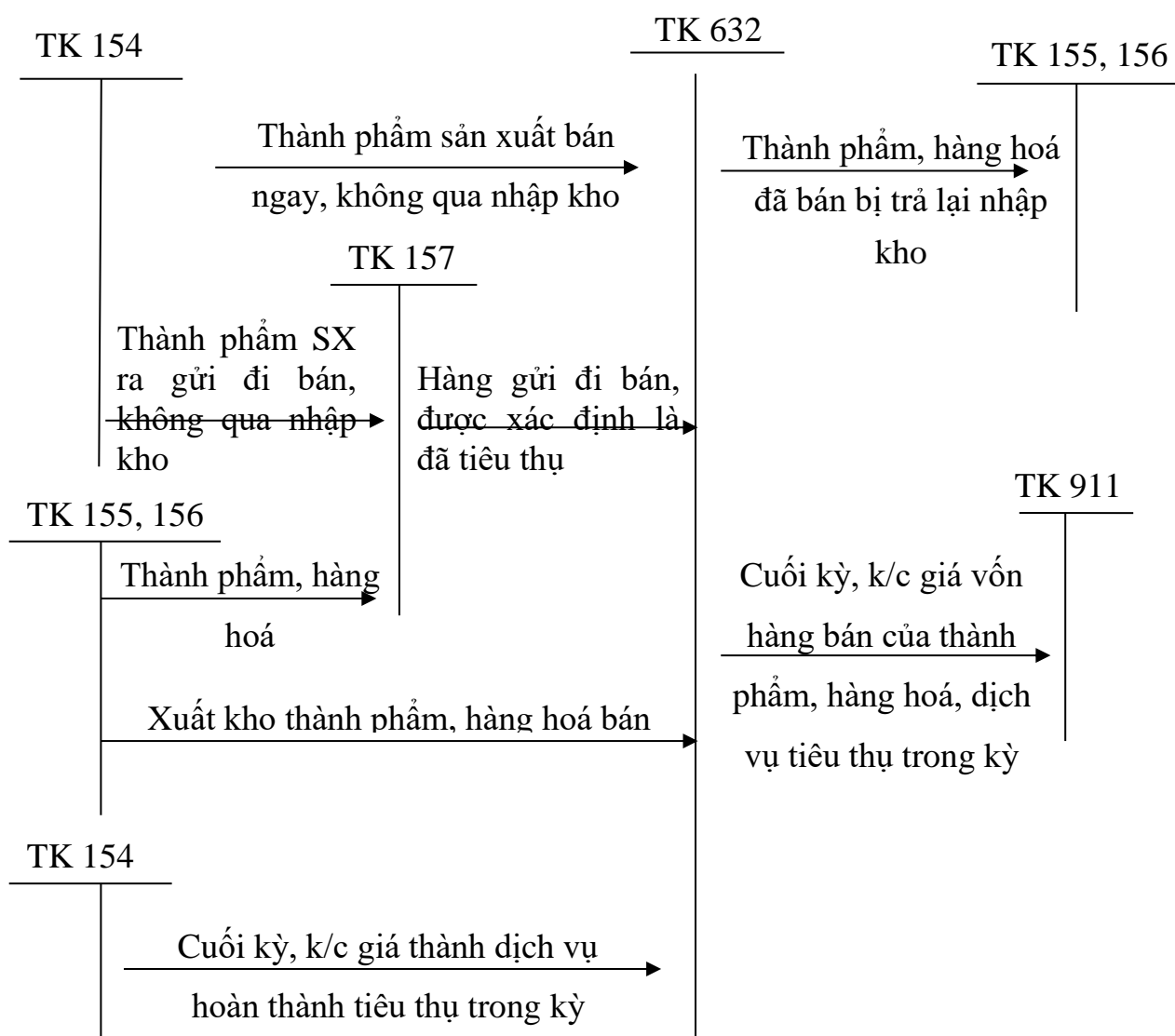
- **Phương pháp giá đích danh:** giá của hàng tồn sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy đơn giá loại đó.

- Một số đơn vị có đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương

tự) có thể áp dụng kỹ thuật xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ theo phương

pháp Giá bán lẻ. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn mua hàng.
 - Phiếu xuất kho.
- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.2. Chi phí quản lý kinh doanh

*Khái niệm:

Chi phí quản lý kinh doanh: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn Công ty.

*Chứng từ sử dụng

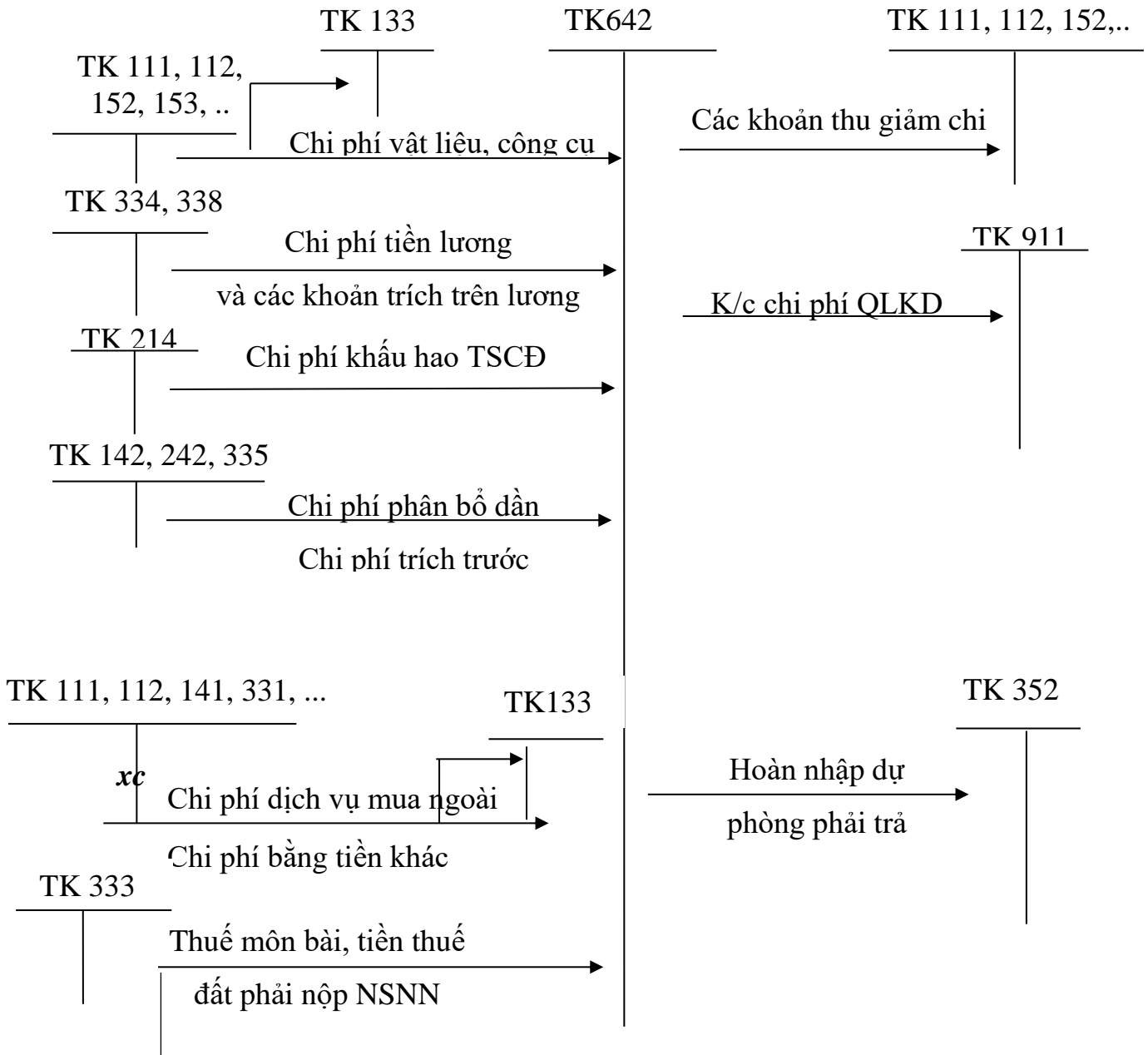
- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ.
- Các chứng từ liên quan khác.

*Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh, tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2:

- TK6421 “Chi phí bán hàng”
- TK6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

*Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.3. Chi phí hoạt động tài chính

*Khái niệm: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

*Tài khoản sử dụng

+Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635- chi phí tài chính,

+Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

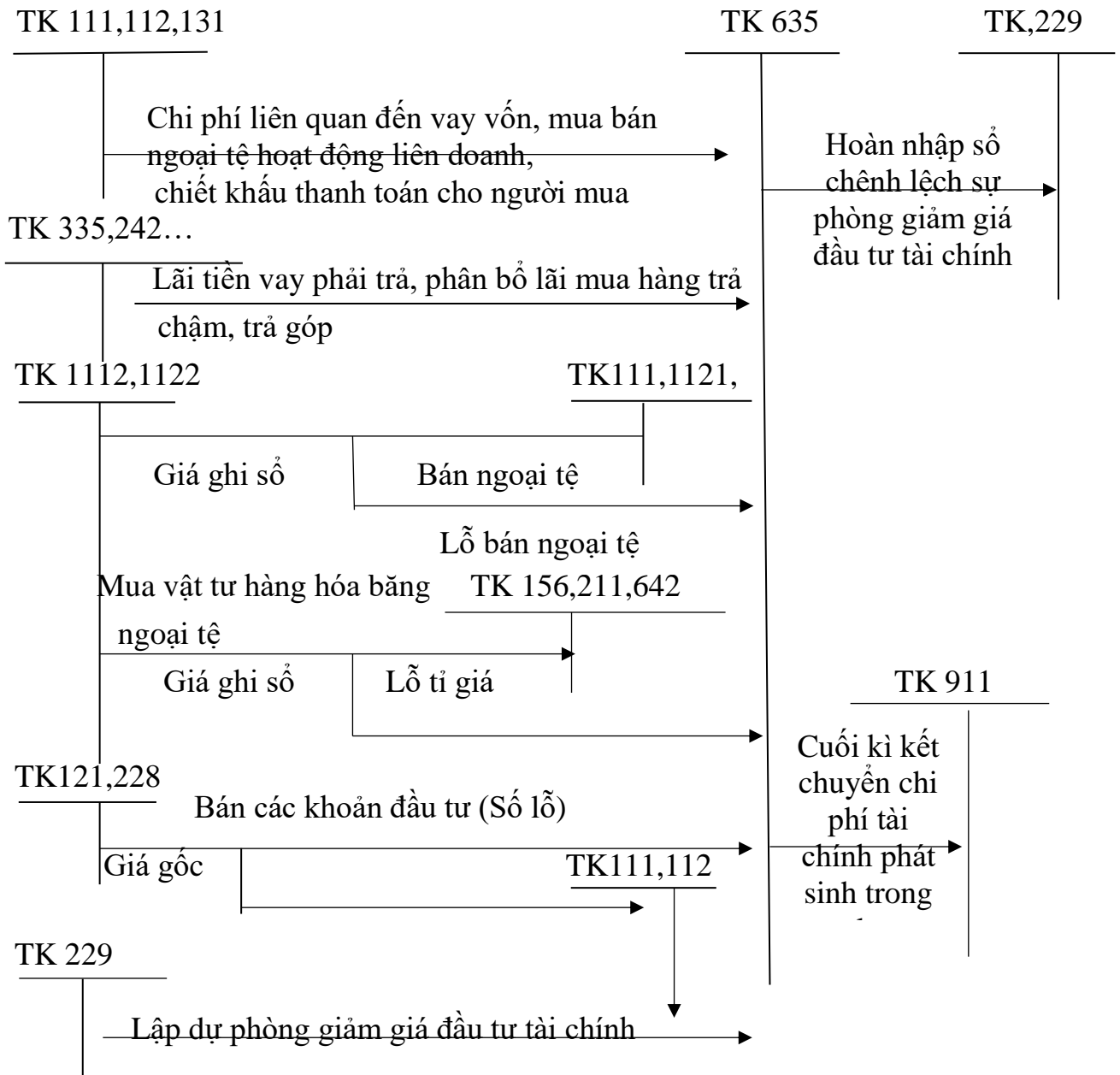
Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí khác.

*Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi vay Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ có liên quan khác

*Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí tài chính

1.2.3.4. Chi phí hoạt động khác

*Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 811- Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

*Chi phí khác của Công ty gồm:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác;

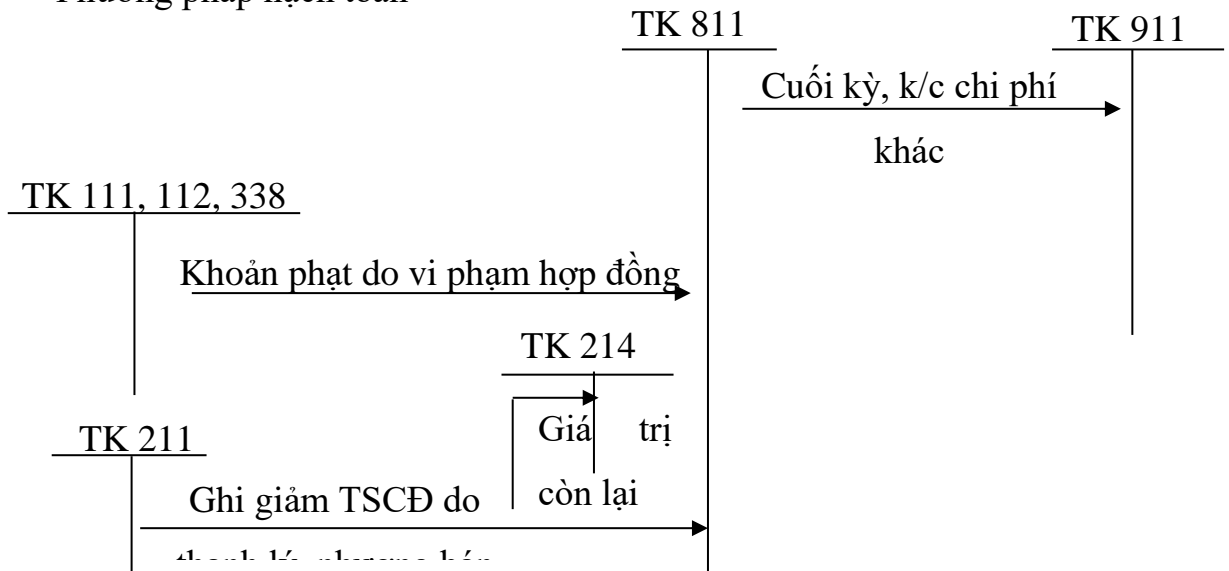
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế;

Các khoản chi phí khác;

Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan...

Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác

1.3. Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà Công ty đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh:

- **Doanh thu thuần** = DT bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu.
- **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh.
- **Lợi nhuận từ hoạt động khác** = Thu nhập từ hoạt động khác – Chi phí hoạt động khác.
- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận từ hoạt động khác
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp** = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
- **Lợi nhuận sau thuế** = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp

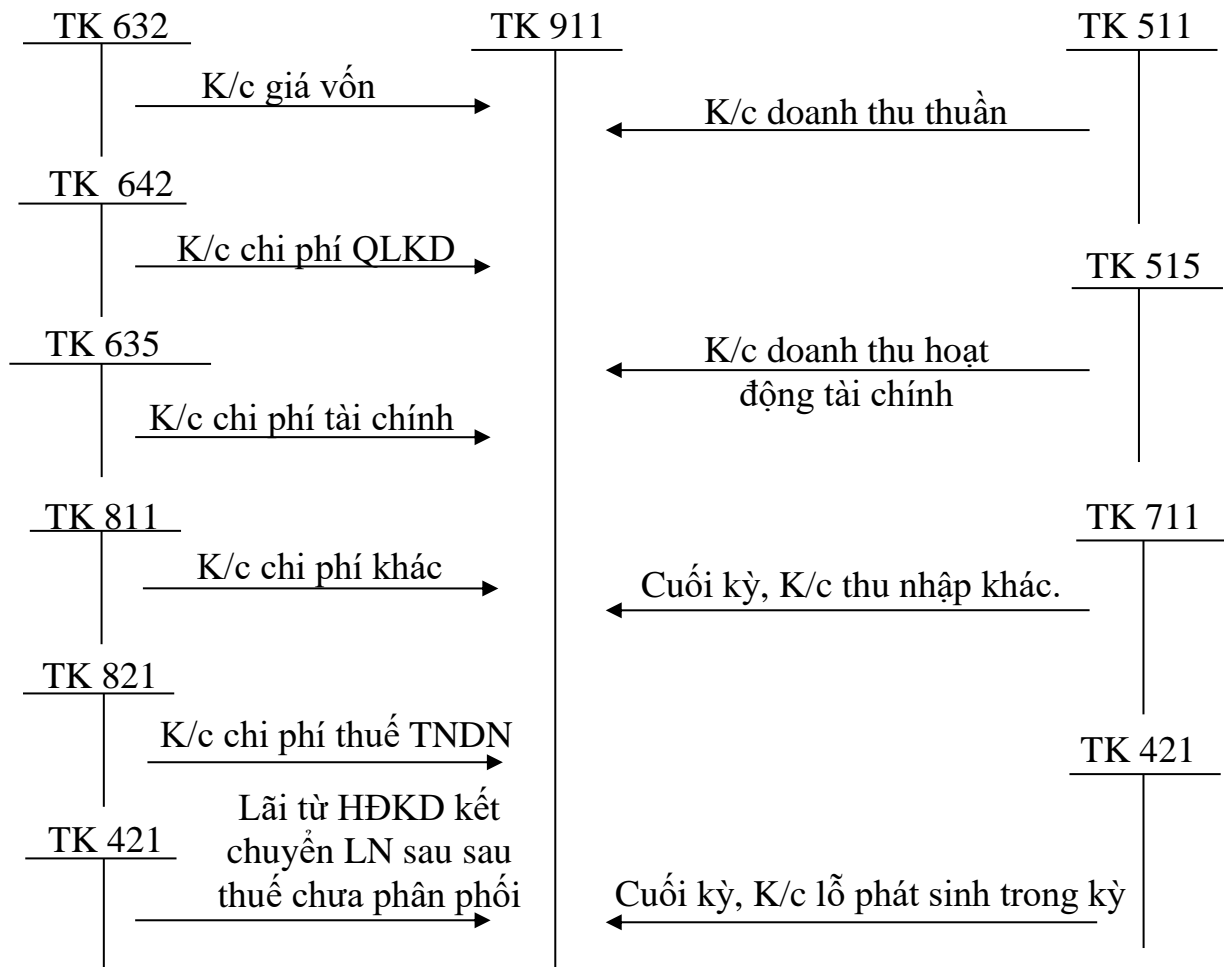
1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.4. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.3.5. Phương pháp hạch toán



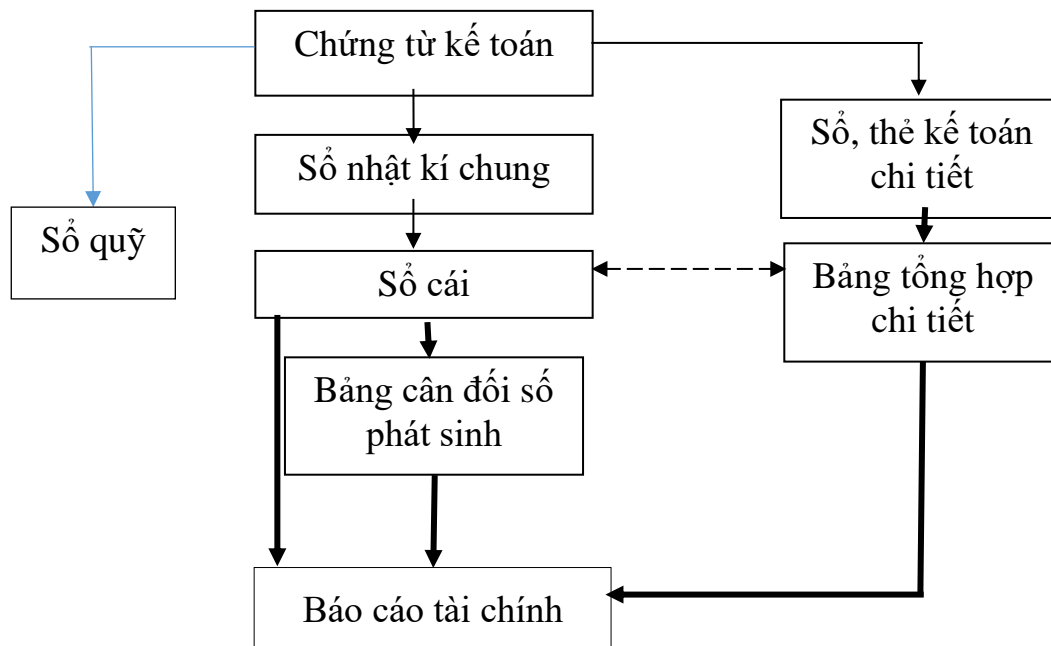
Sơ đồ 1.9: Kế toán kết quả kinh doanh

1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, đơn vị được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán:

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để vào các Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Quy trình ghi sổ:**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung

Ưu điểm:

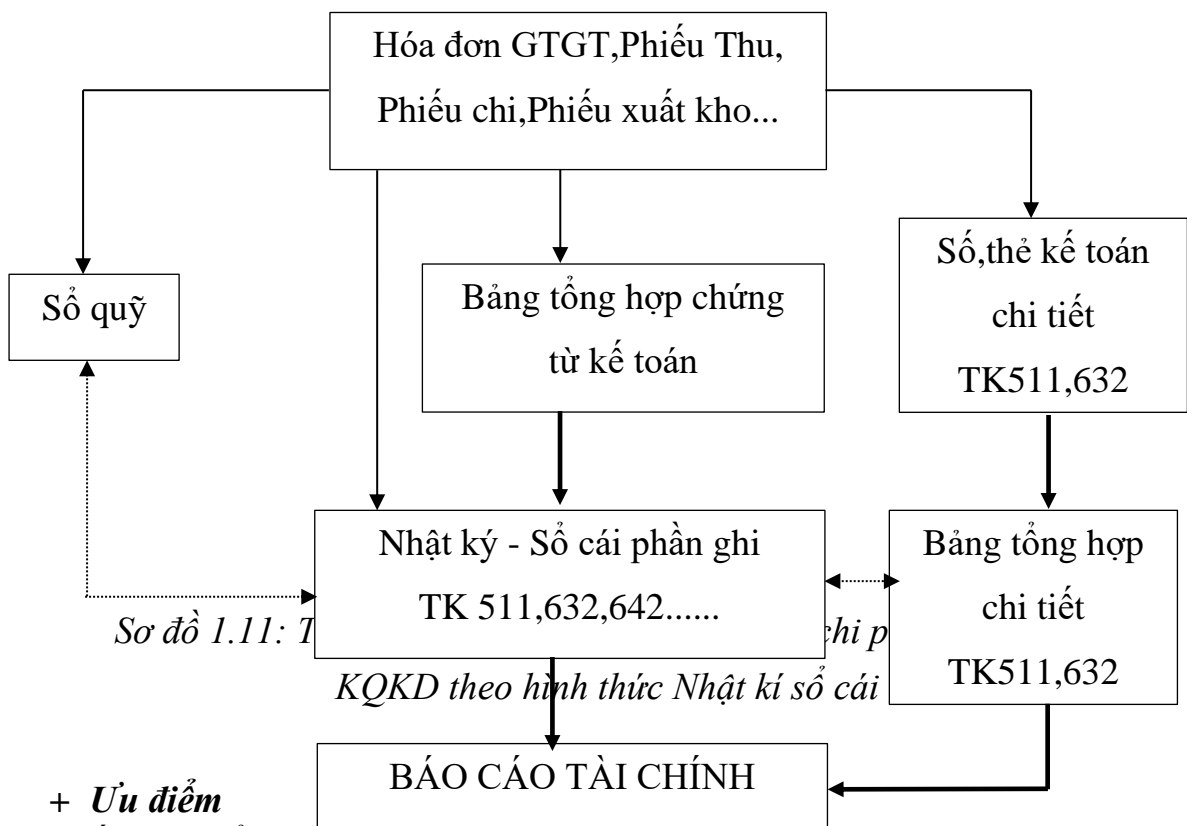
- Mẫu số đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

+ **Nhược điểm:** Lượng ghi chép nhiều.

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại.

Điều kiện áp dụng: Sử dụng cho những DN có quy mô nhỏ, sử dụng ít Tài khoản kế toán

Quy trình ghi sổ:**+ Ưu điểm**

- Số lượng sổ ít, mẫu số đơn giản dễ ghi chép.
- Việc ktra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

+ Nhược điểm

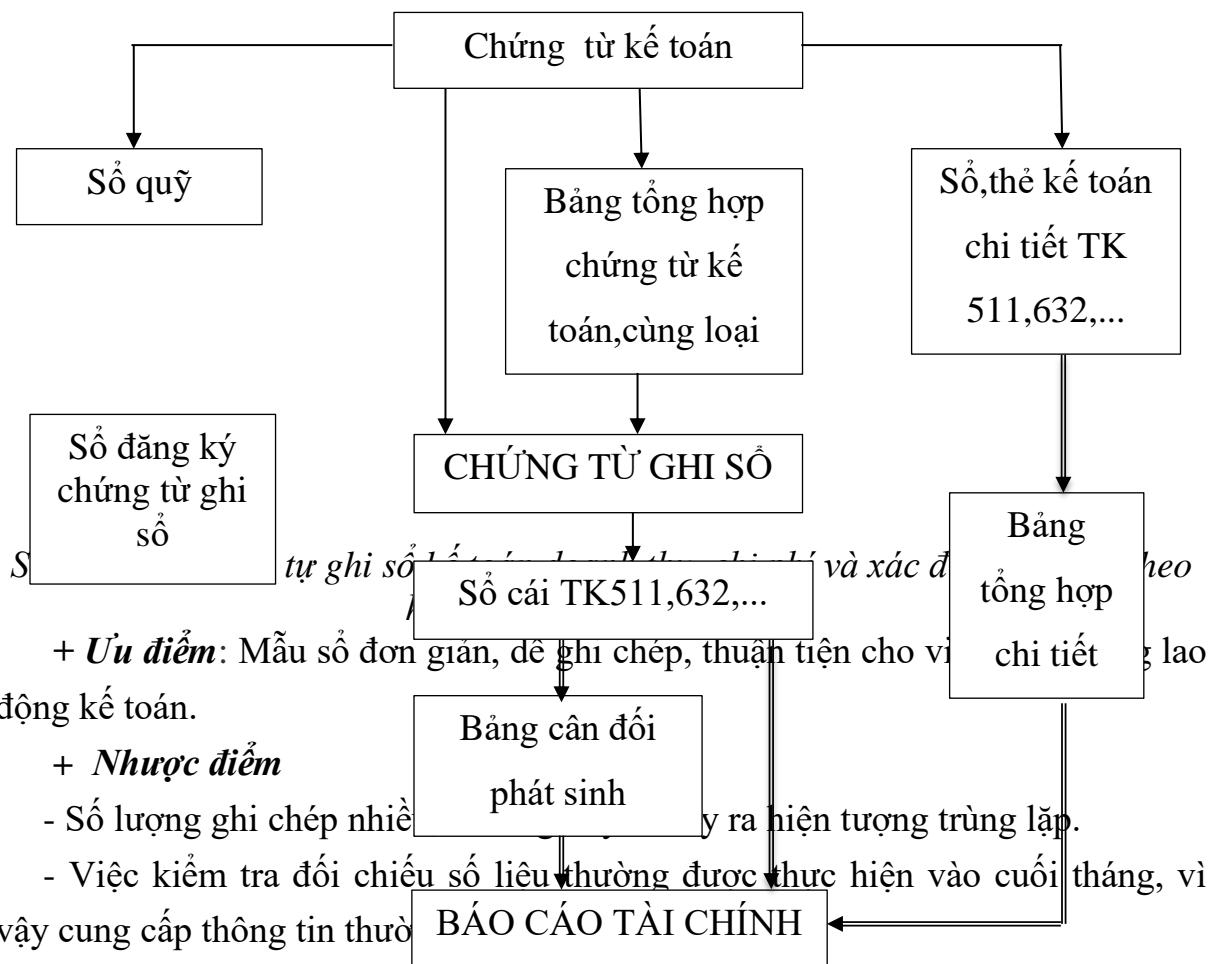
- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)
- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

1.4.3. Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho những DN có quy mô vừa, Quy mô lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng

Quy trình ghi sổ



+ Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán.

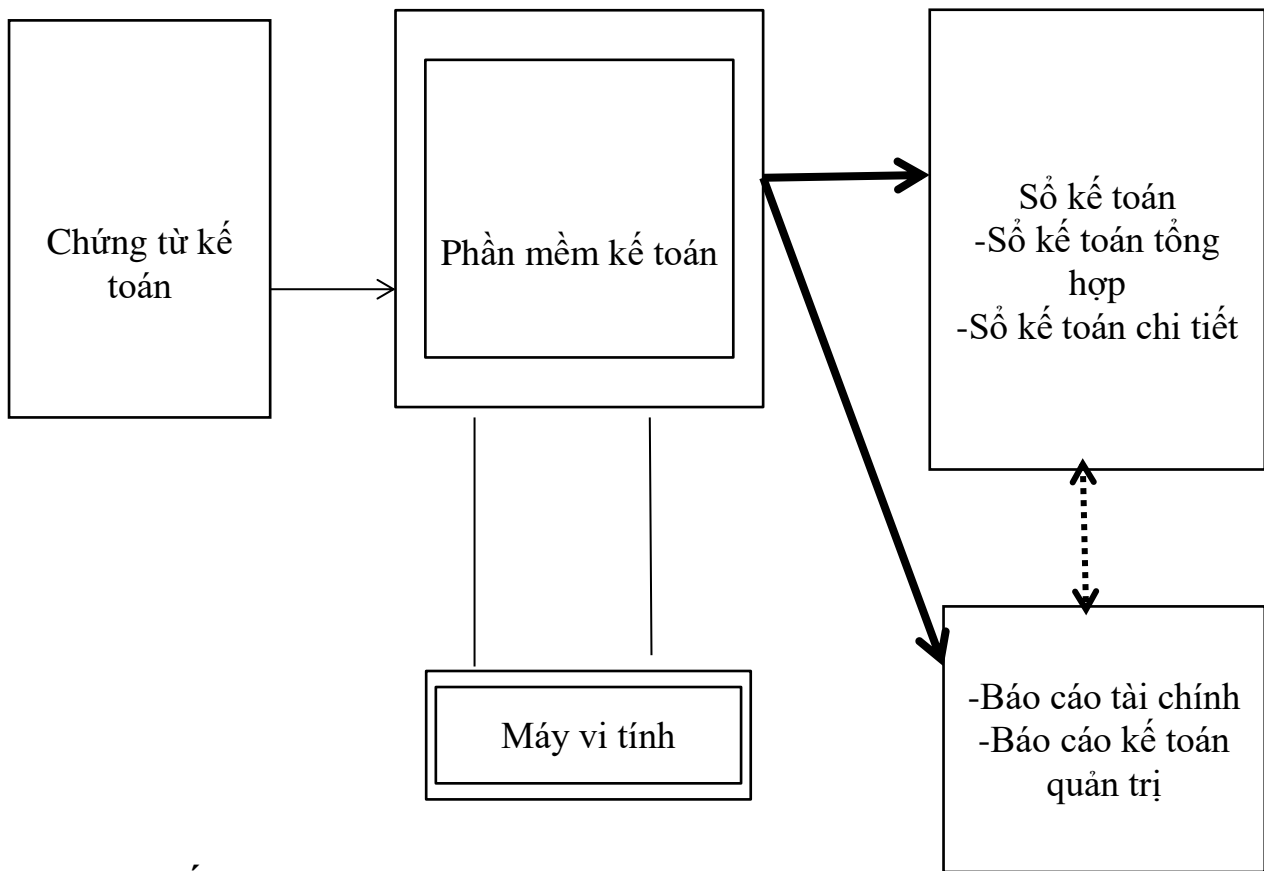
+ Nhược điểm

- Số lượng ghi chép nhiều, dễ xảy ra hiện tượng trùng lặp.
- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

1.4.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

-Đặc trưng cơ bản: việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định

trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

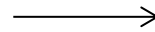


Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày:

In sổ, báo cáo cuối hàng cuối năm

Quan hệ đối chiếu kiểm tra



Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LỘC VÙNG ĐỎ

2.1 Khái quát chung về công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202003803 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Mã số thuế: 0201657691
- Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng
- Đại diện pháp luật: Trịnh Văn Cương
- Ngành nghề kinh doanh chính: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ ăn uống khác, dịch vụ phục vụ đồ uống...

Trong những năm đầu mới thành lập, qui mô của công ty còn nhỏ và chủ yếu kinh doanh nhà hàng. Ba năm trở lại đây nhận thấy nhu cầu của thị trường về ngành nghề Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ngày càng cao nên công ty đã mở rộng kinh doanh các dịch vụ ăn uống lưu động...

Với nguyên tắc kinh doanh “Hợp tác tin cậy cùng phát triển”, Công ty đã duy trì và mở rộng thị phần tương đối ở trong nước. Với giá cả cạnh tranh trên nhiều loại hàng hóa, chất lượng cao và dịch vụ bán hàng hoàn hảo, công ty đã đạt được niềm tin mạnh mẽ và sự hài lòng từ các khách hàng trong nước

Thuận lợi

- Thị trường ẩm thực nhà hàng công ty tăng trưởng rất nhanh trong thời gian qua và trong giai đoạn có rất nhiều tiềm năng khi xu thế đô thị hóa đang thay đổi thói quen của người tiêu dùng, cuộc sống bận rộn khiến người ta có ít thời gian cho việc nấu ăn.
- Nhà hàng có đội ngũ đầu bếp chuyên nghiệp, cùng với đó đội ngũ nhân viên phục vụ chuyên nghiệp và tận tình.
- Nhà hàng giữ được nhiều uy tín với nhiều bạn hàng.
- Vị trí địa lý công ty tập trung nơi đông dân cư, nhiều các tổ chức

Khó khăn

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phải kỹ lưỡng hơn trong khâu lựa

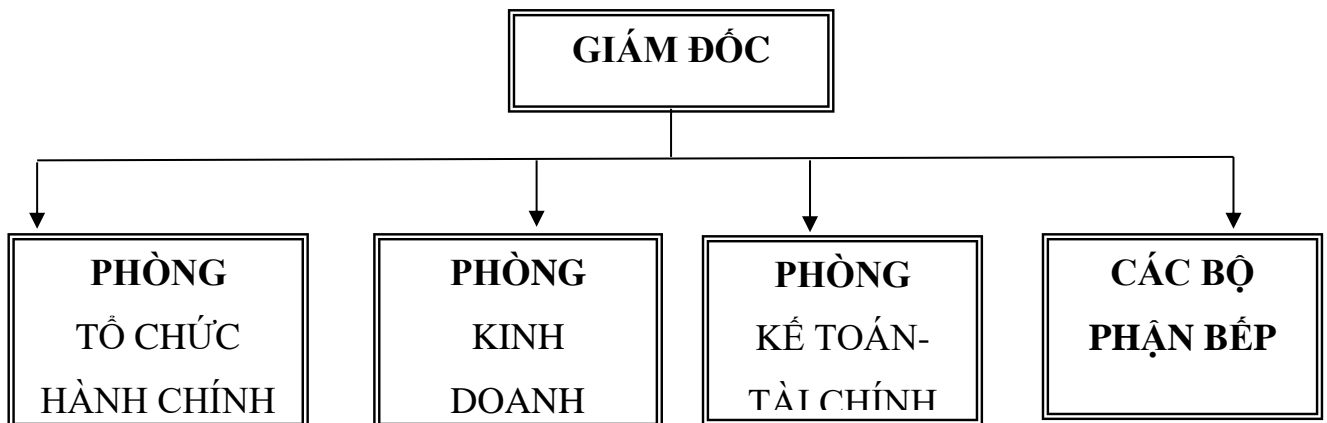
chọn nguyên vật liệu, cách chế biến..., món ăn cho ra phải đảm bảo chất lượng, an toàn với sức khỏe thực khách. Những món ăn sử dụng thực phẩm hữu cơ, “cây nhà lá vườn”... được nhiều thực khách lựa chọn. Do vậy việc lựa chọn thực phẩm sạch cũng khan hiếm.

- Thị trường nhà hàng ăn uống lưu trú trên địa bàn Hải Phòng ngày càng nhiều, sức cạnh tranh lớn

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ phục vụ đồ uống
- Cho thuê xe có động cơ
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến Lộc Vũng Đò

2.1.3 Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



*** Giám Đốc:**

- **Chức năng:** Là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm toàn bộ trước cơ quan pháp luật.

- **Nhiệm vụ:**

+ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.

+ Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

+ Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.

+ Ký hợp đồng nhân danh Công ty

*** Phòng kế toán- tài chính**

- **Chức năng:** Phản ánh và giám đốc tất cả các hoạt động kinh tế trong toàn công ty. Phòng kế toán tài chính là một phòng giữ vị trí quan trọng trong việc điều hành quản lý kinh tế, thông tin kinh tế trong mọi lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- *Nhiệm vụ:*

+ Tổ chức sắp xếp hợp lý, khoa học tập trung các nhân viên thuộc phòng quản lý để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao về công tác kế toán tài chính.

+ Báo cáo với Tổng Giám Đốc về những phát sinh trong tháng một cách kịp thời, chính xác, như doanh thu, chi phí, thuế, ngân hàng, công nợ...

+ Ghi chép phản ánh số liệu hiện có về tình hình vận động toàn bộ tài sản của công ty. Giám sát việc sử dụng, bảo quản tài sản của công ty, đặc biệt là các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị.

+ Mở sổ sách theo dõi tài sản, lập hồ sơ chứng từ ghi chép, lập báo cáo theo quy định của nhà nước, lưu giữ chứng từ cẩn thận, gọn gàng.

***Phòng tổ chức hành chính.**

Có chức năng giúp Tổng giám đốc thi đua khen thưởng, kỷ luật, lên danh sách ký hợp đồng cho nhân viên toàn công ty, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo luật lao động và luật Bảo Hiểm Xã Hội hiện hành (chế độ nghỉ việc, chế độ nghỉ thai sản, nghỉ ốm, nghỉ phép..). Lập các quyết định nghỉ việc, bổ nhiệm, bãi nhiệm, lệnh điều động nhân viên các mục tiêu, quản lý hồ sơ, danh sách trích ngang toàn công ty.

Phòng kinh doanh:*- *Chức năng:***

+ Tham gia thay đổi những nội dung qui trình, kế hoạch chất lượng, các hướng dẫn về công tác quản lý chất lượng.

- *Nhiệm vụ:*

+ Tham mưu , đề xuất các phương án kinh doanh trình lên Giám Đốc.

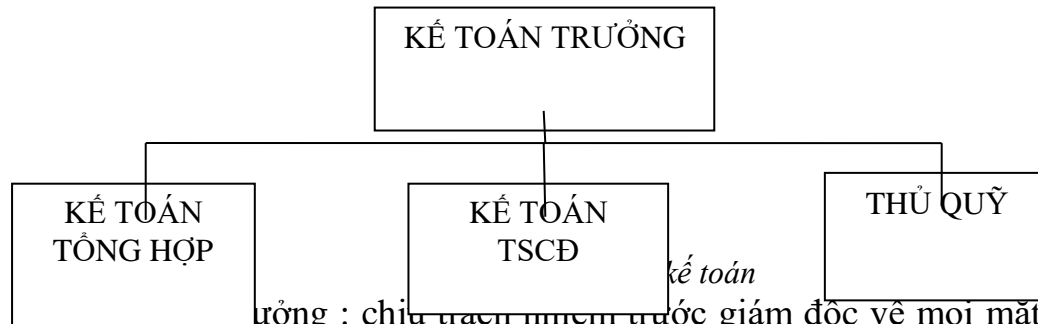
+ Nghiên cứu thị trường, định hướng các hoạt động kinh doanh tiếp thị tại các thị trường mục tiêu.

+ Xác định giá dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển thị trường.

+ Thực hiện việc dịch vụ sau bán hàng (chăm sóc khách hàng), tiếp thị.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ

2.1.4.1 Cơ cấu bộ máy kế toán



Kế toán trưởng : chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi mặt hoạt động kinh tế của công ty , có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác kế toán ở đơn vị .Đảm bảo khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn của công ty như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm mọi biện pháp giảm chi phí , tăng lợi nhuận của công ty.

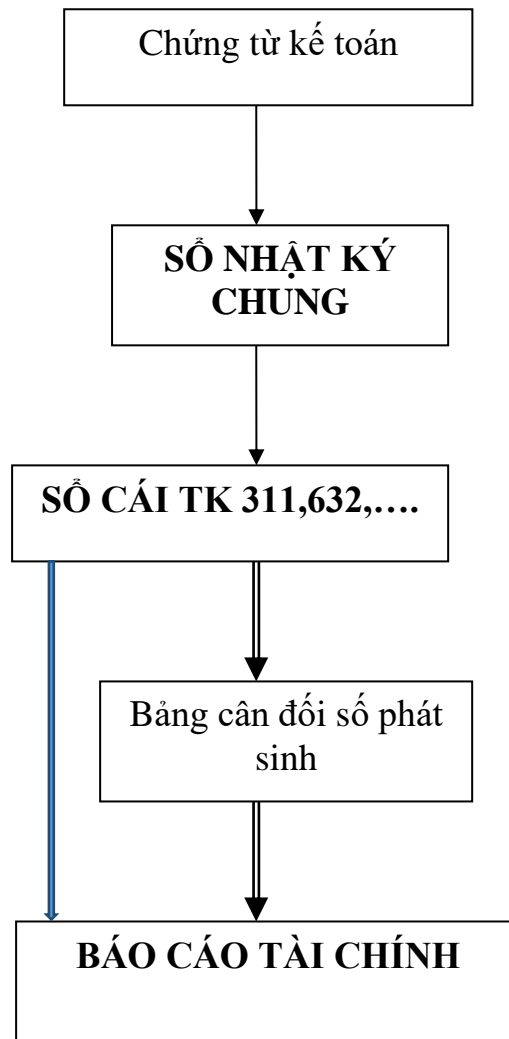
+ Kế toán tổng hợp : là người ghi chép , tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và tập hợp chi phí, tính giá thành , xác định kết quả lãi lỗ của quá trình kinh doanh . Ngoài ra còn phải theo dõi tình hình công nợ với các khách hàng.

+ Kế toán TSCĐ theo dõi sự biến động của TSCĐ , tính và phân bổ khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng, kê khai và quyết toán các loại thuế.

+ Thủ quỹ chịu trách nhiệm về công việc có liên quan đến quỹ.

2.1.4.2 Hình thức ghi sổ

Để thuận tiện, đơn giản và phản ánh kịp thời khối lượng nghiệp vụ kinh tế của đơn vị, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép, phản ánh hệ thống hóa nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo.



Ghi hàng ngày	—————▶
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ	══════════▶
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	◀—————▶

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD theo hình thức kế toán Nhật ký chung

2.1.4.3 Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép sổ kế toán là: đồng Việt Nam
- Áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Giá trị thực tế của hàng hoá xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty TNHH Lộc Vòng Đỏ

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty TNHH Lộc Vòng Đỏ

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 511 “Doanh thu bán hàng”

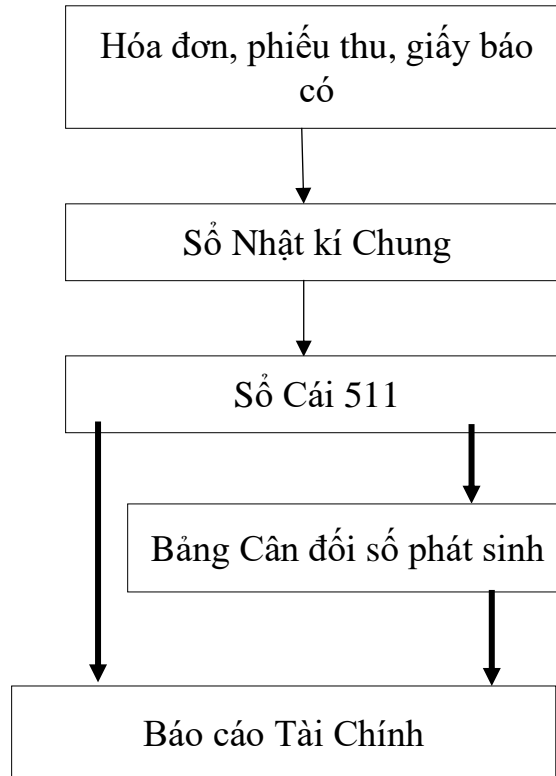
Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan:

TK111, TK 112, TK 131, TK 3331

*** Sổ sách sử dụng:**

Sổ Nhật ký chung.

Sổ cái tài khoản 511

***Trình tự hạch toán**

Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Lộc Vàng Đỏ

Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

Ví dụ 1: Ngày 04/03/2019 cung cấp dịch vụ ăn uống cho Công ty TNHH Lan Tân theo hóa đơn GTGT số 0000922 (Biểu 2.1), tổng tiền thanh toán bao gồm thuế GTGT 10% là 19.250.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

Nợ TK 131: 19.250.000

Có TK 511: 17.500.000

Có TK 3331: 1.750.000

- Căn cứ vào số hóa đơn GTGT (biểu 2.1), kế toán ghi vào sổ NKC (biểu 2.4)
- Căn cứ vào NKC (biểu 2.4), kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu 2.5)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 000922**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/19P

Số: 0000922

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Đơn vị bán hàng: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đò

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4 ,Phường Đông Hải 1, Hải An , Hải Phòng

Số tài khoản: 0185888 tại Ngân hàng Á Châu

Điện thoại 0225 3804 985: MST:0201657691

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Lân

Tên đơn vị: Công Ty TNHH Lan Tân

Địa chỉ:Số 275 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán:TM/CK.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	8	2	9	1	3			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Dịch vụ ăn uống	Suất	70	250.000	17.500.000
		Cộng tiền hàng:			17.500.000
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			1.750.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			19.250.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu phòng kế toán Công Ty TNHH Lộc Vùng Đò)

Ví dụ 2: Ngày 14/3/2019 thu tiền dịch vụ ăn uống của Công ty TNHH Đồng Hòa giá đã thuế GTGT 10% là 10.560.000 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 10.560.000

Có TK 511: 9.600.000

Có TK 3331: 960.000

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.2), phiếu thu (biểu 2.3), phiếu thu (biểu 2.3), kế toán ghi vào NKC (Biểu 2.4)
- Căn cứ vào NKC (biểu 2.4), kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu 2.5)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: nội bộ

Ngày **14 tháng 3 năm 2019**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/19P

Số: 0000941

Đơn vị bán hàng: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4 ,Phường Đông Hải 1, Hải An , Hải Phòng

Số tài khoản: 0185888 tại Ngân hàng Á Châu

Điện thoại 0225 3804 985:

MST: 0201657691

Họ tên người mua hàng: Lưu Phương Vỹ

Tên đơn vị: Đại lý nước giải khát Phương Vỹ

Địa chỉ:Số 27 Trần Nguyên Hãn ,HP

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế:

0	2	0	0	4	7	8	4	2	2			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Dịch vụ ăn uống	Suất	48	200.000	9.600.000
		Cộng tiền hàng:			9.600.000
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			960.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			10.560.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn không trăm mười đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu tại phòng kế toán Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ)

Biểu số 2.3: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò
Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường
 Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT
 Ban hành theo
 TT133/2016/TT- BTC
 Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng
 BTC

PHIẾU THU

Ngày 14 tháng 03 năm 2019

Số: 09/03
 Nợ: TK 111
 Có: TK 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền: Trần Văn Tường

Địa chỉ: Công ty TNHH Đồng Hòa

Lý do nộp: Tiền dịch vụ ăn uống

Số tiền: 10.560.000đ (Viết bằng chữ):

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn tài liệu phòng kế toán Công ty TNHH Lộc Vũng Đò)

Biểu 2.4 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ
Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường
 Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo TT133/2016/TT-
 BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2019

Đvt: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TTD dòng	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...
04/3	HĐ 922	04/3	Cung cấp dịch vụ ăn uống cho công ty Lan Tân			131 511 3331	19.250.000	17.500.000 1.750.000
...
14/3	HĐ 941 PT 09/3	14/3	Thu tiền dịch vụ ăn uống của công ty Đồng Hòa			111 511 3331	10.560.000	9.600.000 960.000
...
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			511 911	3.940.447.055	3.940.447.055
...
			Cộng phát sinh năm				15.312.647.255	15.312.647.255

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng**Mẫu số:** S03b - DNN

Ban hành theo

TT133/2016/TT- BTC

Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng
BTC**TRÍCH SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2019

NT GS	CTGS		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
04/3	HĐ 922	04/3	Cung cấp dịch vụ ăn uống cho công ty Lan Tân theo Hóa đơn GTGT số 0922	131		17.500.000
...
14/3	PT 9/3	14/3	Thu tiền dịch vụ ăn uống của công ty Đông Hòa	111		9.600.000
...
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng	911	3.940.447.055	
			Cộng số phát sinh năm		3.940.447.055	3.940.447.055
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn tài liệu phòng kế toán Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ)

2.2.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

* **Chứng từ sử dụng.**

- + Giấy báo có.
- + Sao kê tài khoản.

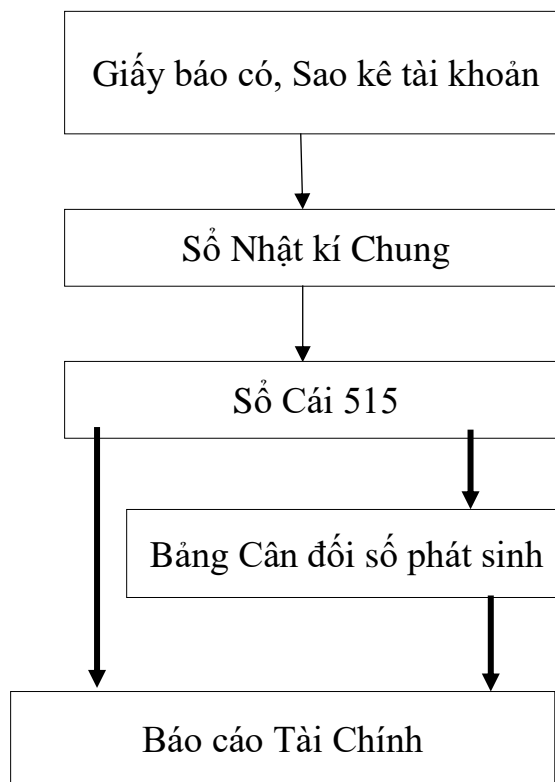
* **Tài khoản sử dụng:**

- + TK 515: “Doanh thu Tài chính”

* **Ghi sổ theo hình thức:**

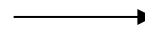
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 515

Trình tự hạch toán



Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Ví dụ 3: Ngày 31/3, Công ty TNHH Lộc Vừng Đỏ nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Techcombank với số tiền 329.490 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 112: 329.490

Có TK 515: 329.490

Biểu số 2.6: Giấy báo có

Ngân hàng TMCP Kỹ
thương Việt Nam
Chi nhánh : TCB- Hải
Phòng
MST: 0200230800



Số giao dịch:
FT163666000093003
MÃU SỐ: 01GTKT2/003
Ký hiệu: AA/ 19T
Số: 17728857523345.000002

GIẤY BÁO CÓ

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Lộc Vừng Đỏ

MST: 0200682913

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Người chuyển tiền:

Người nhận tiền

Tên tài khoản: VND-Ngân hàng

Tên tài khoản: VND-CTY TNHH Loc Vung

Techcombank

Do

Số tài khoản: 10200215600268

Số tài khoản: 10920629999019

Tại ngân hàng: Techcombank

Tại Ngân hàng: Techcombank

Nội dung

Số tiền

Chuyen khoan

329.490,00

Phi

0.00

Thuế VAT

0.00

Tổng phí+ thuế VAT

0.00

Tổng số tiền

329.490,00

Loại tiền:

VND

Số tiền bằng chữ: (Ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng)

Ngày giá trị: 31/3/2019

Chi tiết

CTY TNHH LOC VUNG DO NHAN TIEN LAI

Lập phiếu

Kiểm soát

Trưởng phòng kế toán

Phiếu này được in từ dịch vụ ngân hàng điện tử của Techcombank

- Căn cứ vào giấy báo có (biểu 2.6), kế toán ghi vào sổ NKC (biểu 2.7)
- Căn cứ NKC (biểu 2.7), kế toán ghi vào SCTK 515 (biểu 2.8)

Biểu số 2.7: Trích sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

Mẫu số S03a – DNN

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2019**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Nợ/Có	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang			
....
31/3	GBC	31/3	Nhận lãi của TECHCOMBANK	112	329.490	
		515		329.490
	
31/12	PKT 20	31/3	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	2.401.838	
				911		2.401.838
			Cộng phát sinh năm		15.312.647.255	15.312.647.255

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 515**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vũng Đò**Mẫu số** S03b – DNN**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC*

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tên tài khoản:** Doanh thu hoạt động tài chính**Số hiệu:** 515

Đơn vị tính: vnd

Năm 2019

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
...
31/3	GBC	31/3	Nhận lãi tiền gửi	112		329.490
...
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.401.838	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		2.401.838	2.401.838
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

* Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Hóa đơn

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711- Thu nhập khác

Ví dụ 4: Ngày 24/03/2019, Thu tiền phạt phá hợp của công ty TNHH xây Dựng Hiền Vinh , số tiền 21.000.000 đồng, theo Báo có (biểu 2.9)

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 111	:	21.000.000
Có TK 711:		21.000.000

- Căn cứ vào Báo có (biểu 2.9), kế toán ghi vào NKC (biểu 2.10)
- Căn cứ vào NKC (biểu 2.10), kế toán ghi vào Sổ Cái TK 711 (biểu 2.11)

Biểu 2.9: Giấy báo có.NGÂN HÀNG NN VÀ PHÁT TRIỂN NT
HẢI PHÒNGMã GDV: NEWK
Mã KH: 94021
Số: 27**GIẤY BÁO CÓ**Kính gửi: **Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi Có: 2112211003022

Số tiền bằng số: 21.000.000 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai một triệu đồng chẵn./

Nội dung: Tiền phạt của công ty TNHH xây dựng Hiền vinh.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ)

Biểu 2.10 Sổ nhật ký chung**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vừng Đỏ**Mẫu số:** S03a-DNN**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông

Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cá i	S T T dò ng	Số hiệ u TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước CS					
		
24/3	GBC 27	24/3	Thu tiền phạt của công ty Hiền Vinh			112	21.000.000	
						711		21.000.000
							
			ộng phát sinh năm				15.312.647. 255	15.312.647. 255

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vừng Đỏ)

Biểu 2.11: Sổ cái TK 711**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vừng Đỏ**Mẫu số:** S03b-DNN**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**TRÍCH SỔ CÁI****Năm 2019**

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu tháng			
...
24/3	GBC 27	24/3	Thu tiền phạt của công ty Hiền Vinh	112		21.000.000
...
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển Thu nhập khác sang TK 911	911	35.000.000	
			Cộng số phát sinh năm		35.000.000	35.000.000
			Số dư cuối tháng			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)Ngày 31 Tháng 3 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vừng Đỏ)

2.2.2. Kế toán chi phí tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đồ

2.2.2.1. Kế toán giá vốn

*** Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu kê xuất kho
- + Phiếu kế toán

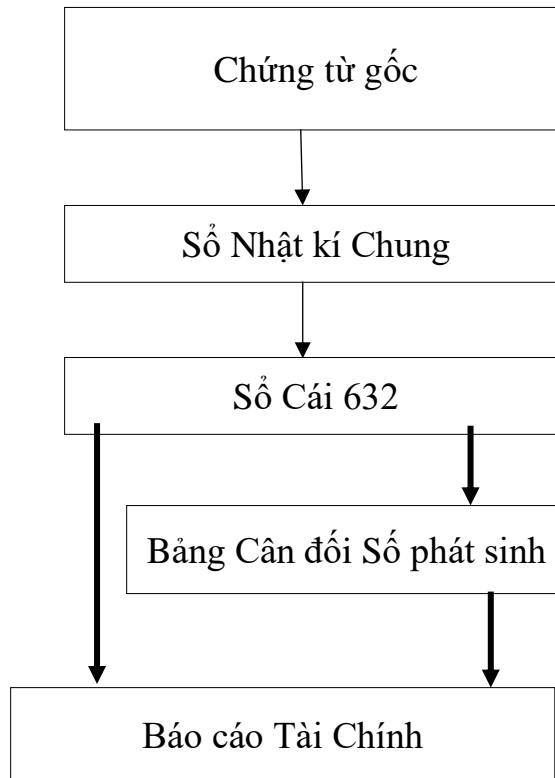
*** Tài khoản sử dụng:**

- + Tài khoản 632: giá vốn hàng bán

*** Sổ sách sử dụng:**

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 632

*** Trình tự hạch toán**



Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ chi phí sản xuất để tính giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong tháng.
- Cụ thể, ngày 31/03/2019 căn cứ vào sổ chi phí sản xuất (biểu 2.12) kế toán lập phiếu kế toán (biểu 2.13) để phản ánh giá vốn dịch vụ ăn uống đã cung cấp trong tháng.
- Căn cứ vào phiếu kế toán (biểu 2.13) kế toán ghi vào NKC (biểu 2.14).
- Căn cứ vào NKC (biểu 2.14), kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (biểu 2.15)

Biểu số 2.12 : Sổ CPSXKD**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng**Mẫu số:** S17-DNN*(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tháng 3/2019

Tên sản phẩm:**Số hiệu: 154**

Tên dịch vụ: Dịch vụ ăn uống Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ TK 154			
SH	NT				Chia ra			
					Chi phí nhân công	Chi phí NVL	Chi phí sản xuất chung	...
		<i>Số dư đầu tháng</i>						
PX 11	04/3	Xuất Nguyên vật liệu	152	10.538.000		10.538.000		
...				
BL T3	31/3	Chi phí nhân công	334	85.402.590	85.402.590			
BPB CPC	31/3	Phân bộ, chi phí chung tính giá thành	242	13.547.201			13.547.201	
		Cộng phát sinh		195.590.711	85.402.590	96.640.920	13.547.201	
		Kết chuyển	632	195.590.711	85.402.590	96.640.920	13.547.201	
		<i>Số dư cuối tháng</i>						

Người lập
(Ký, họ tên)*Ngày 31 tháng 3 năm 2019*
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Phiếu kế toán**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vũng Đò**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 4

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá thành dịch vụ ăn uống tháng 3	632	154	195.590.711	
Tổng cộng	x	x	195.590.711	

Cộng thành tiền (bằng chữ):

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(nguồn từ phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vũng Đò**Mẫu số S03a-DNN****Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC*

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2019

Đơn vị tính : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
	B	C	D		2	3	4
			Số gtrang trước chuyển sang				

31/3	PKT 4	31/3	Kết chuyển giá thành dịch vụ ăn uống tháng 3		632	195.590.711	
					154		195.590.711

			Cộng phát sinh năm			15.312.647.255	15.312.647.255

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.15 : (Trích sổ cái năm 2019)

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ

Mẫu số S03b - DNN

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản :** Giá vốn hàng bán**Số hiệu tài khoản :** 632

Năm 2019

Đơn vị tính : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
B	C	B	1	2	3
		Số phát sinh trong tháng			
...
PKT 4	31/3	Kết chuyển giá thành dịch vụ ăn uống tháng 3	154	195.590.711	
...
PKT 21	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.151.497.821
		Cộng lũy kế từ đầu năm		2.151.497.821	2.151.497.821
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

*** Chứng từ sử dụng:**

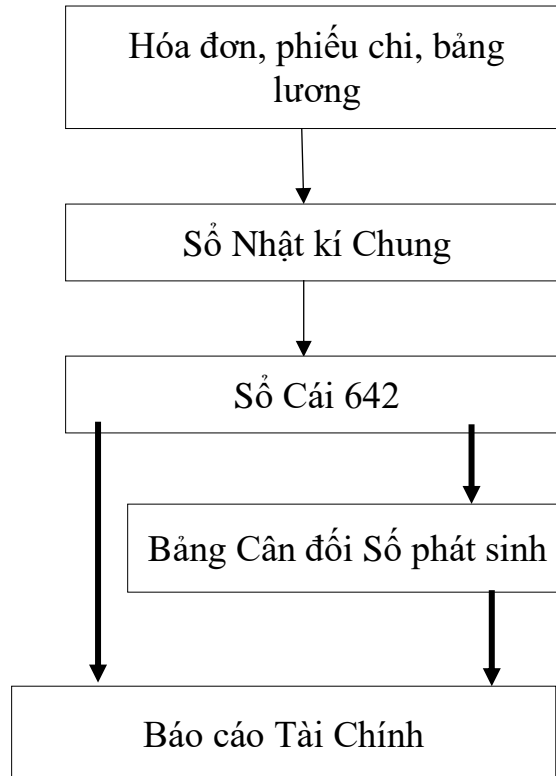
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi
- + Bảng thanh toán lương ,.....

*** Tài khoản sử dụng:**

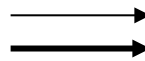
- + Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

*** Sổ sách sử dụng:**

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 642

*** Trình tự hạch toán****Ghi chú:** Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Ví dụ 5: Ngày 11/3, Công ty thanh toán sửa chữa máy photocopy và máy Fax phục vụ ở bộ phận quản lý cho công ty theo hóa đơn GTGT (biểu 2.16) và phiếu chi (biểu 2.17)

Định khoản:

Nợ TK 642: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.16) và phiếu chi (biểu 2.17), kế toán ghi vào NKC (biểu 2.20)

Biểu số 2.16: HĐGTGT

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho Khách hàng
Ngày **11 tháng 3 năm 2019**

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/19P

Số: 0001935

Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐÓ GIA

Địa chỉ: Số 116 Cát Bi, Q.Hải An, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.588.295

MST:0201310065

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đò

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM.....Mã số thuế:

0	2	0	0	6	8	2	9	1	3			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Sửa chữa máy photo và máy fax				1.000.000
		Cộng tiền hàng:			1.000.000
	Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:			100.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			1.100.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, đóng dấu)

- Căn cứ vào NKC (biểu 2.20), kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu 2.21)

Biểu số 2.17: Phiếu chi**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vũng Đò**Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng**Mẫu số 02-TT***(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***PHIẾU CHI**Ngày **11 tháng 3 năm 2019**

Số 34

Nợ TK 642

Nợ TK 133

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Tuấn Anh

Địa chỉ: Công ty cổ phần Phát triển thương mại và dịch vụ Đỗ Gia

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa máy photo

Số tiền: 1.100.000

(Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Giám đốc
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Người lập
(Ký, họ tên)Người nhận
(Ký, họ tên)Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm nghìn đồng

Ví dụ 6: Ngày 15/3, Công ty mua văn phòng phẩm theo HĐGTGT số 0000201 (biểu 2.18) ngày 15/3/2019 phục vụ bộ phận văn phòng thanh toán bằng tiền mặt theo phiếu chi (biểu 2.19)

Định khoản:

Nợ TK 642: 1.340.000

Nợ TK 133: 134.000

Có TK 111: 1.474.000

- Căn cứ hóa đơn GTGT (biểu 2.18) và phiếu chi (biểu 2.19) kế toán ghi vào NKC (biểu 2.20).
- Căn cứ NKC (biểu 2.20) , kế toán ghi vào Sổ Cái TK 642 (biểu 2.21).

Biểu số 2.18: HĐ GTGT 0000201**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho Khách hàng

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Mẫu số:01GTKT3/002

Ký hiệu: HH/39P

Số: 0000201

Đơn vị bán hàng: Công ty CỔ PHẦN TM VÀ DỊCH VỤ MINH HUY

Địa chỉ: Số 14 lô 22 , Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP

Số tài khoản:

Điện thoại:3.830.327

MST: 0200562846

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Số tài khoản:.....

0	2	0	0	6	8	2	9	1	3			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....*via sđ trực.*

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Giấy Plus	Gram	10	52.000	520.000
02	Bút bi	Hộp	10	57.000	570.000
03	Mực dầu	Hộp	2	125.000	250.000
		Cộng tiền hàng:			1.340.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			134.000
		Tổng cộng tiền thanh toán			1.474.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đóng dấu

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò
Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Số 40
Nợ TK 6422
Nợ TK 133
Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Phương Nhung
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Minh Huy
Lý do nộp: Mua văn phòng phẩm
Số tiền: 1.474.000
(Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng
Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)	(Ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vũng Đò**Mẫu số S03a – DNN****Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC*

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

*ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)***TRÍCH NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2019***Đơn vị tính : Đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TTD dòng	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D			2	3	4
...
11/3	PC 34 HĐ GTGT số 1935	11/3	Sửa máy photocopy và máy fax			642	1.000.000	
						133	100.000	
						111		1.100.000
....
15/3	PC 40 HĐ GTGT số 201	15/3	Mua văn phòng phẩm			642	1.340.000	
						133	134.000	
						111		1.474.000
....
			Cộng lũy kế từ đầu năm				15.312.647.255	15.312.647.255

Ngày 31 tháng 3 năm 2019

Người ghi sổ*(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Giám đốc**

Biểu số 2.21:

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò
Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường
 Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI**TÊN TK: CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH****SỐ HIỆU: 642**

Năm 2019

Đơn vị tính : Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4
...
11/3	PC 34	11/3	Chi sửa máy photo và máy fax	111	1.000.000	
....
15/3	PC 40	15/3	Chi mua văn phòng phẩm	111	1.340.000	
...
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		1.289.110.915
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.289.110.915	1.289.110.915

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vàng Đỏ

*** Chứng từ sử dụng.**

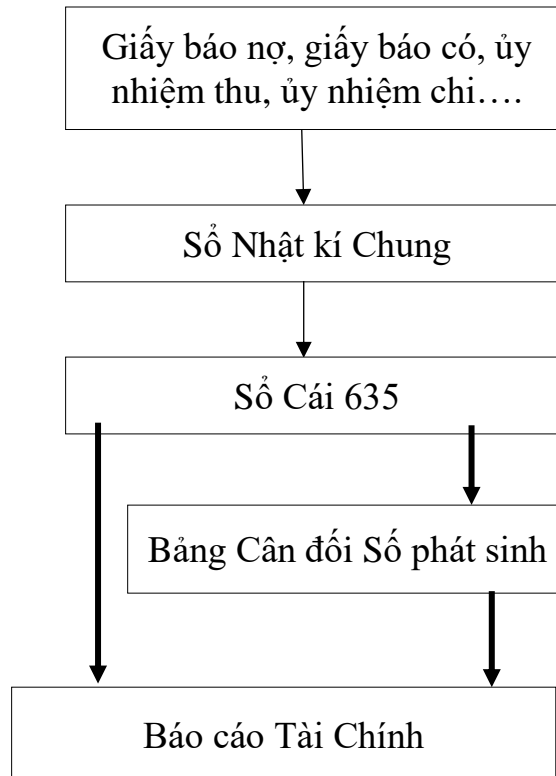
- + Giấy báo nợ.
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi

*** Tài khoản sử dụng:**

- + TK 515: “ Doanh thu Tài chính”
- + TK 635: “ Chi phí tài chính”

*** Ghi sổ theo hình thức:**

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 635

*** Trình tự hạch toán**

Ghi chú: Ghi hàng ngày: \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

- Trong năm 2019, không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến TK 635.

2.2.2.4 Kế toán chi phí khác

* **Chứng từ sử dụng:** phiếu chi, hóa đơn GTGT,....

* **Tài khoản sử dụng**

+ Tài khoản 811- chi phí khác

* **Sổ sách sử dụng:** NKC, sổ cái TK 811

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ

* **Tài khoản sử dụng**

Sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

* **Sổ sách sử dụng:** Sổ NKC, Sổ Cái TK 911

* **Chứng từ sử dụng :** Phiếu kế toán

* **Trình tự hạch toán**

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái các tài khoản 511, 515, 632, 642, 711 kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí như các biểu 2.22, 2.23, 2.24 ,2.25, 2.26

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 20

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: PK 20

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
1. Kết chuyển 511	511	911	3.940.447.055	
2. Kết chuyển 515	515	911	2.401.838	
3. Kết chuyển 711	711	911	35.000.000	
Tổng cộng			3.977.848.893	

Cộng thành tiền (bằng chữ): **Ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bốn tám ngàn tám trăm chín mươi ba đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(Nguồn tại phòng kế toán công ty)

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 21

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: PK 21

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
1. Kết chuyển 632	911	632	2.151.497.821	
2. Kết chuyển 642	911	642	1.289.110.915	
Tổng cộng			3.440.110.736	

Cộng thành tiền (bằng chữ): **Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu một trăm mười một ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(Nguồn tại phòng kế toán công ty)

Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 22**Công ty TNHH Lộc Vũng Đò****Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: PK 22

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN phải nộp 2019	821	333	107.448.031	
Tổng cộng			107.448.031	

Cộng thành tiền (bằng chữ): **Một trăm linh bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn không trăm ba mươi một đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(Nguồn tại phòng kế toán công ty)

Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 23

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: PK 23

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển 821	911	821	107.448.031	
Tổng cộng			107.448.031	

Cộng thành tiền (bằng chữ): **Một trăm linh bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn không trăm ba mươi một đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(Nguồn tại phòng kế toán công ty)

Biểu 2.26: Phiếu kế toán số 24

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: PK 24

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Nội Dung	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2019	911	421	429.792.126	
Tổng cộng			429.792.126	

Cộng thành tiền (bằng chữ): **Bốn trăm hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn một trăm hai mươi sáu đồng.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019

Người lập biểu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

(Nguồn tại phòng kế toán công ty)

- Căn cứ vào các phiếu kế toán số 20, 21, 22, 23, 24 kế toán ghi vào NCK (biểu 2.26)

Biểu 2.27 Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò
Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cá i	ST T dò ng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển doanh thu			511	3.940.447.055	
31/12	PKT 20	31/12				911		3.940.447.055
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển DTHDTC			515	2.401.838	
31/12	PKT 20	31/12				911		2.401.838
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển TN khác			711	35.000.000	
31/12	PKT 20	31/12				632		35.000.000
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển GVHB			911	2.151.497.821	
31/12	PKT 21	31/12				632		2.151.497.821
31/12	PKT 21	31/12	Kết chuyển CPQLDN			911	1.289.110.915	
31/12	PKT 21	31/12				642		1.289.110.915
31/12	PKT 22	31/12	Xác định TTNDN			821	107.448.031	
31/12	PKT 22	31/12				333		107.448.031
31/12	PKT 23	31/12	Kết chuyển CPTTNDN			911	107.448.031	
31/12	PKT 23	31/12				821		107.448.031
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển lãi			911	429.792.126	
						421		429.792.126
			Cộng phát sinh năm				15.312.647.255	15.312.647.255

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 Tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vũng Đò)

- Căn cứ vào NKC (biểu 2.26) , kê toán ghi vào sổ cái TK 911 (biểu 2.27) và sổ cái TK 421 (biểu 2.28)

Biểu 2.28: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông

Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2019

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	ST T dò n g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số phát sinh					
31/12	PKT	31/12	K/C doanh thu			511		3.940.447.055
31/12	PKT	31/12	K/C DTHĐTC			515		2.401.838
31/12	PKT	31/12	K/C TN khác			711		35.000.000
31/12	PKT	31/12	K/C giá vốn			632	2.151.497.821	
31/12	PKT	31/12	K/C CP QLDN			642	1.289.110.915	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CPTTNDN			821	107.448.031	
31/12	PKT	31/12	K/C Lỗ			421	429.792.126	
			Cộng số PS				3.977.848.893	3.977.848.893
			Số dư cuối năm					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ)

Biểu 2.29: Sổ cái TK 421**Đơn vị:** Công ty TNHH Lộc Vàng Đỏ**Mẫu số S03b-DNN****Địa chỉ:** Số 100 Phương Lưu 4, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng*(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tháng 3 năm 2019

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					120.511.409
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối 2019			911		429.792.126
			Cộng số phát sinh năm				-	429.792.126
			Số dư cuối năm					550.303.535

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)*(Nguồn trích: Tại Công ty TNHH Lộc Vàng Đỏ)*

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Lộc Vũng Đò 2019 :

Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Công ty TNHH Lộc Vũng Đò

Địa chỉ: Số 92 Lô 100 Phương Lưu 4,P.Đông Hải 1,Hải An,Hải Phòng

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	3.940.447.055	3.144.623.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		3.940.447.055	3.144.623.415
4. Giá vốn hàng bán	11		2.151.497.821	1.901.789.112
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.788.949.234	1.242.834.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.401.838	1.000.023
7. Chi phí tài chính	22		-	161.056.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	161.056.000
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.289.110.915	708.258.987
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		502.240.157	374.519.339
10. Thu nhập khác	31		35.000.000	
11. Chi phí khác	32		-	
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		35.000.000	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		537.240.157	374.519.339
14. Chi phí thuế TNDN	51		107.448.031	74.903.867
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập công ty (60 = 50 – 51)	60		429.792.126	299.615.472

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LỘC VÙNG ĐỎ****3.1. Đánh giá thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ .****3.1.1. Kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ**

Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ ngay từ ngày thành lập đã từng bước phát triển về mọi mặt. Trong lịch sử phát triển của mình, công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hòa nhập vào nền kinh tế của thị trường. Nhờ vậy những năm trở lại đây, công ty đã đạt được nhiều thành công trong hoạt động kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung, hình thức gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban Giám Đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện một cách trình tự có tính thống nhất cao, tập hợp số liệu một cách chính xác. Từ đó Ban Giám Đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty để đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp đúng đắn trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Toàn bộ việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Nhờ đó kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

- Nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng. Từ đó Ban Giám Đốc cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ

quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung cấp,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng:
 - Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.
 - Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.
 - Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:
 - Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)
 - Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:

+) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vàng Đỏ

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, về chính sách áp dụng trong bán hàng:

Công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Thứ hai, về việc hoạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:

Công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng mặt hàng. Làm cho công ty không theo dõi cụ thể chi tiết doanh thu chi phí của từng loại mặt hàng. Vì vậy không có cơ sở để lựa chọn cơ cấu mặt hàng tối ưu.

Thứ ba, về công tác ghi chép sổ kế toán:

Hiện tại công tác kế toán tại đơn vị được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn và thiếu sót.

3.2 Tính cấp thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

- Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh mới chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

- Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ chưa thực sự hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy hiệu quả.

3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ

Mục đích của các doanh nghiệp là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao nên việc hoàn thiện tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là một trong những nội dung cần làm để đạt được mục tiêu này của doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng.

Cơ sở để hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- + Đảm bảo tuân thủ thông nhất chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành.

+ Đảm bảo tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.

+ Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tốt chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán nói chung.

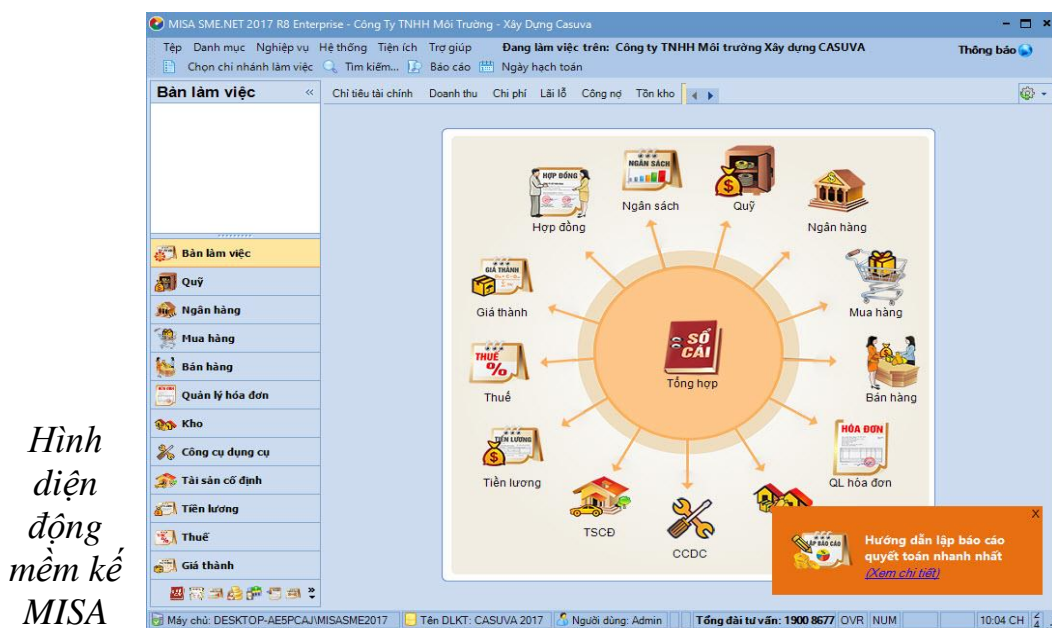
3.4 Nội dung giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lộc Vũng Đỏ

3.4.1 Áp dụng phần mềm kế toán

Về việc áp dụng tin học vào kế toán trong điều kiện kỹ thuật điện toán đang có những bước phát triển nhanh chóng với nhiều thành tựu to lớn, việc sử dụng tin học vào lĩnh vực kế toán ngày càng được phổ biến và mang lại hiệu quả cao. Thực tế ở Công ty đã trang bị thiết bị máy vi tính nhưng chỉ dừng lại ở việc mở sổ sách và tính toán trên Excel làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy, Công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để Công ty có thể lựa chọn như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING, phần mềm kế toán Smart Soft, ...

Phần mềm kế toán MISA.NET 2017



Hình
diện
động
mềm kế
toán
MISA

3.1 Giao
hoạt
phần
toán

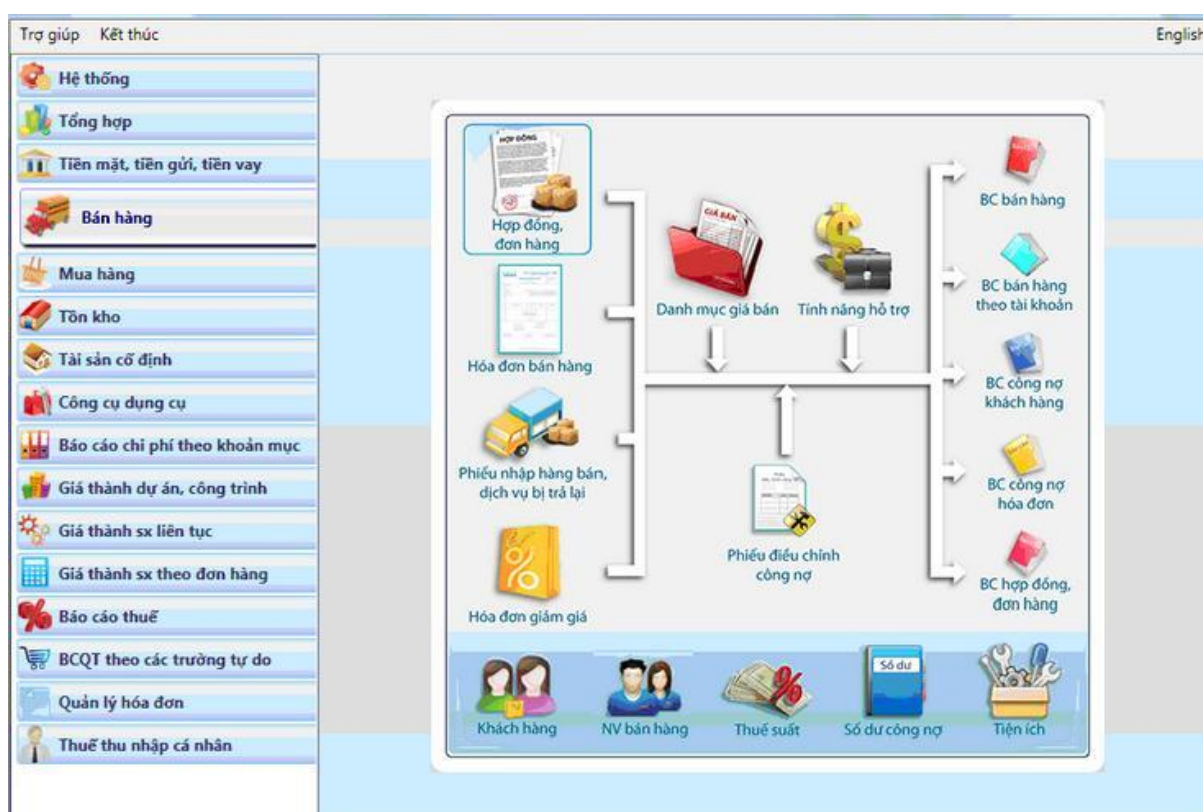
Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng là hợp lý và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp

giảm bớt khó khăn cho kế toán trong việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

- Fast accounting là phần mềm kế toán được thiết kế dành cho các công ty vừa và nhỏ.

- Fast Accounting - Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome.

Dưới đây là hình ảnh giao diện phần mềm kế toán Fast Account:



3.4.2 Về mở sổ chi tiết hạch toán doanh thu, chi phí

- Hiện tại, công ty chưa mở thêm sổ chi tiết TK 511 và TK 632 làm cơ sở xác định lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng. Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng theo mẫu số S16-DNN ban hành theo TT133/2016 của BTC (biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo mẫu số S17-DNN ban hành theo TT 133/2016 của BTC (biểu 3.2)

- Tác dụng của việc mở sổ: hạch toán chi tiết, cụ thể doanh thu, từng mặt hàng cũng như chi phí sản xuất kinh doanh, từ đó có thể xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Dưới đây là hai mẫu sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số Lượn g	Đơn giá	Thàn h Tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
...	Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày tháng năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**Đơn Vị:****Địa chỉ:**

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 242, 335, 632)**

Tài khoản:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.4.3 Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh

Công ty TNHH Lộc Vùng Đỏ chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho mặt hàng. Cách thức tiến hành chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng theo tiêu thức doanh thu thuần.

- Công thức:

$$\text{Chi phí QLKD phân bổ cho mặt hàng } i = \frac{\text{Tổng chi phí QLKD}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

Tác dụng của việc phân bổ chi phí quản lý kinh doanh: Phục vụ cho việc xác định lợi nhuận thuần cho từng mặt hàng để từ đó giúp lãnh đạo công ty ra quyết định mở rộng hoặc thu hẹp sản xuất kinh doanh cho từng mặt hàng.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.5.1 Về phía nhà nước

- Tạo điều kiện cho tổ chức cá nhân kinh doanh một cách hợp pháp và thuận lợi thông qua việc hạn chế các thủ tục hành chính phức tạp không cần thiết.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp lý chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm.

- Luôn luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính.

Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ”** làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

- ❖ Về mặt lý luận: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ❖ Về mặt thực tiễn:
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2019 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ .
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vũng Đỏ :

- Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết.
- Phân bổ CP QLKD cho từng mặt hàng.
- Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Lộc Vùng Đỏ , tài liệu kế toán (2019)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện <https://lib.hpu.edu.vn/>